

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng 10 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Thiết kế bản vẽ thi công và Dự toán
Dự án: Xử lý cấp bách đê, kè sông Kôn**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về Quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 765/QĐ-UBND ngày 06/3/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu, dự án Xử lý cấp bách đê, kè sông Kôn;

Căn cứ Quyết định số 3793/QĐ-UBND ngày 15/9/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án đầu tư xây dựng, dự án Xử lý cấp bách đê, kè sông Kôn;

Căn cứ Quyết định số 1563/QĐ-UBND ngày 27/4/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công và Dự toán và Giá gói thầu, dự án Xử lý cấp bách đê, kè sông Kôn;

Theo Văn bản số 6848/UBND-KT ngày 09/10/2020 của UBND tỉnh về việc chủ trương điều chỉnh, bổ sung dự án Xử lý cấp bách đê, kè sông Kôn;

Theo Quyết định số 137/QĐ-BQL ngày 28/4/2020 của Giám đốc Ban Quản lý dự án Nông Nghiệp và PTNT về việc phê duyệt kết quả chỉ định thầu Gói thầu Thi công xây dựng công trình, dự án Xử lý cấp bách đê, kè sông Kôn;

Theo đề nghị của Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 395/TTr-BQL ngày 16/10/2020 và thông báo kết quả thẩm định của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Văn bản số 2388/SNN-QLXDCT ngày 16/10/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Thiết kế bản vẽ thi công và Dự toán, dự án Xử lý cấp bách đê, kè sông Kôn, với các nội dung chính như sau:

1. Nội dung điều chỉnh, bổ sung:

a) Tuyến kè bờ hữu sông Kôn xã Nhơn Phúc

- Bổ sung 03 cống tiêu D400, 02 cống tiêu D600, 04 cống D200 và 01 cống 2D200 để đảm bảo tiêu nước trong khu dân cư.

- Điều chỉnh giảm tuyến đường dân sinh số 2 và bổ sung tuyến đường dân sinh tại cọc C72 dài 113,43m, bề rộng mặt đường 5m, nền đường đắp đất đầm chặt K95, mặt đường đổ bê tông M250, đá 2x4, dày 18cm để kết nối đường bê tông hiện có với tuyến kè, thuận lợi giao thông đi lại, bảo đảm công tác cứu hộ, cứu nạn.

- Bổ sung gia cố bê tông mặt đê bờ hữu thượng lưu cầu An Thái dài 1.077m, bề rộng mặt đường 4m, kết cấu bằng bê tông M250, đá 2x4, dày 18cm để bảo vệ mặt đê, kết hợp giao thông.

b) Tuyến kè bờ tả sông Kôn xã Nhơn Khánh

- Điều chỉnh cao trình đỉnh kè từ cọc S2 đến cọc C12 cho phù hợp với quy hoạch của địa phương.

- Bổ sung lan can hộ lan mềm đoạn từ K0+71,12m đến K0+95,12m, dài 24m, để đảm bảo an toàn giao thông.

c) Tuyến kè bờ tả sông Cẩm Văn xã Nhơn An

- Đoạn bờ tả sông Cẩm Văn, xã An Nhơn

+ Điều chỉnh giảm 156,57m đoạn hạ lưu từ cọc S24 đến cọc CT (cuối tuyến), chiều dài tuyến kè sau khi điều chỉnh là 962,83m, do vướng mắc trong công tác bồi thường, GPMB.

+ Điều chỉnh tim tuyến kè, phạm vi thực hiện cục bộ một số đoạn cho phù hợp với hạ tầng hiện trạng và các dự án khác đang được triển khai thi công đồng bộ trong khu vực, phù hợp với địa hình thực tế.

+ Điều chỉnh tường hộ lan bằng bê tông sang lan can hộ lan mềm tại 04 vị trí để đảm bảo an toàn giao thông. Tổng chiều dài điều chỉnh 190m, gồm: Đoạn từ cọc 1 đến cọc 5, dài 36m; từ cọc 14 đến cọc S10+2,88m, dài 72m; từ cọc S13 đến cọc 22, dài 42m; từ cọc S21+6,08m đến cọc 38, dài 40m.

- Bổ sung tuyến kè đoạn bờ tả từ cầu Ông Ới về hạ lưu: Chiều dài tuyến kè 301,2m. Cao độ đỉnh kè từ 9.40m đến 9.20m. Cao độ chân kè từ 6.90m đến 6.70m. Thân kè đắp đất đầm chặt K95. Hệ số mái kè phía sông $m = 1,5$. Mặt kè rộng 4m, đổ bê tông xi măng M250 dày 18cm. Gia cố mái kè phía sông bằng tấm bê tông đúc sẵn M200, kích thước (45x45x12)cm, dầm 2x4 dày 10cm và 1 lớp vải địa kỹ thuật trong khung giằng BTCT M200. Gia cố mái kè phía đồng bằng trồng cỏ. Công trình trên tuyến 01 cống tiêu.

d) Tuyến kè bờ hữu sông Đập Đá

- Bổ sung 02 cống tiêu D600 và D200 để tiêu nước trong khu dân cư.
- Bổ sung kéo dài tuyến kè về hạ lưu có chiều dài 140,6m để bảo vệ khu dân cư.

2. Dự toán xây dựng công trình điều chỉnh, bổ sung: 51.987.773.000 đồng (Bằng chữ: Năm mươi một tỷ, chín trăm tám mươi bảy triệu, bảy trăm bảy mươi ba nghìn đồng).

TT	Khoản mục chi phí	Dự toán đã phê duyệt theo QĐ số 1563/QĐ-UBND ngày 27/4/2020	Dự toán điều chỉnh, bổ sung	Tăng (+); Giảm (-)
1	Chi phí xây dựng	38.732.143.000	44.088.772.000	5.356.629.000
2	Chi phí quản lý dự án	878.163.000	981.176.000	103.013.000
3	Chi phí tư vấn ĐTXD	2.651.603.000	2.872.405.000	220.802.000
4	Chi phí khác	1.493.624.000	1.569.812.000	76.188.000
5	Chi phí dự phòng	2.187.777.000	2.475.608.000	287.831.000
	Tổng cộng	45.943.310.000	51.987.773.000	6.044.463.000

3. Phương thức thực hiện: Giao Liên danh Công ty TNHH Xây dựng Tấn Thành, Công ty TNHH Xây dựng Thủy Dương và Công ty TNHH XDTH Văn Thuận tiếp tục thực hiện phần khối lượng điều chỉnh, bổ sung theo hợp đồng xây lắp đã ký.

Điều 2. Quyết định này điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 1563/QĐ-UBND ngày 27/4/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh và Quyết định số 137/QĐ-BQL ngày 28/4/2020 của Giám đốc Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và PTNT; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT; Chủ tịch UBND thị xã An Nhơn và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- PVPNN;
- Lưu: VT, K10 (14b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Châu